

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2011/NQ-HĐND

*Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 10 năm 2011*

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Căn cứ Nghị quyết số 80/2011/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 2845/TTr-UBND ngày 07/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 6 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020, Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Đề án đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 6 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020, với các nội dung chính sau:

#### **I. Mục tiêu, chỉ tiêu:**

##### **1. Mục tiêu:**

Tập trung huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2020 đưa 06 huyện miền núi thoát khỏi tình trạng huyện nghèo.

##### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

**a) Về phát triển kinh tế:**

- Giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 14 - 15%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 15 - 16%/năm.

- Đến năm 2015: tỷ trọng lâm, nông, ngư nghiệp 42 - 43%; công nghiệp - xây dựng 37 - 38%; dịch vụ 20 - 21%; đến năm 2020: lâm, nông, ngư nghiệp 38 - 39%; công nghiệp - xây dựng 38 - 39%; dịch vụ 22 - 23%.

- Thu ngân sách trên địa bàn năm 2015 đạt khoảng 70 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt khoảng 100 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2015 là 1.600 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt khoảng 2.500 tỷ đồng.

- Độ che phủ rừng đạt 60% đến năm 2015 và đến năm 2020 đạt 63%.

- Đến năm 2015, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã thông suốt 4 mùa.

- Đến năm 2015, có 98% số hộ được sử dụng điện và có 85% số hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

**b) Về phát triển văn hóa - xã hội:**

- Đến năm 2015, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 100% trẻ em trong độ tuổi mầm non huy động ra lớp; có 16,4% trường mầm non, 19,4% trường tiểu học, 19,4% trường trung học cơ sở, 30% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia và đến năm 2020 chỉ tiêu này tương ứng là 25%, 30%, 30% và 50%.

- Hàng năm giải quyết việc làm từ 5.000 - 6.000 lao động và giảm hộ nghèo từ 5- 7%/năm.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế: đến năm 2015 có 50% xã, thị trấn; đến năm 2020 có 90% - 95% xã, thị trấn.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa: đến năm 2015 có 25% xã thị trấn; đến năm 2020 có 30% xã, thị trấn.

- Đến năm 2015, có 100% số hộ được nghe đài, 100% số hộ được xem truyền hình.

**c) Về quốc phòng, an ninh:**

- Đến năm 2015, xây dựng 90 - 95% xã, thị trấn đạt danh hiệu vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trong đó vững mạnh toàn diện đạt 50 - 55%, đến năm 2020 có trên 95% xã, thị trấn đạt danh hiệu vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trong đó vững mạnh toàn diện đạt 55 - 60%.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ giai đoạn 2011 - 2020 ổn định trên 1,5% dân số.

- Xây dựng công an xã bảo đảm về số lượng, chất lượng, phân đấu đến năm 2015 trưởng, phó công an xã có trình độ trung học phổ thông và công an viên có trình độ trung học cơ sở; đến năm 2020, trưởng, phó công an xã có trình độ trung cấp công an.

**II. Các nhiệm vụ chủ yếu:**

## **1. Khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế, tăng khối lượng và giá trị sản phẩm hàng hoá.**

a) Phát triển lâm nghiệp, nông nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là tiền đề để phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng nông thôn mới và giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn miền núi.

- Phân đầu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 10%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng 10,5%/năm; giảm lao động nông, lâm, ngư nghiệp xuống 60% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020.

- Tập trung chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và thực hiện thâm canh tăng năng suất. Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến. Tiếp tục thực hiện và hoàn thành công tác giao đất, giao rừng vào năm 2012; tích cực trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc; phát huy hiệu quả kinh tế từ rừng. Thực hiện rà soát việc quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp của các tổ chức và cá nhân được giao đất, thuê đất để có định hướng, chính sách điều chỉnh việc sử dụng đất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Giúp các hộ nông dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, các dịch vụ sản xuất và tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa. Hướng dẫn, chuyển giao kiến thức, kỹ năng, các tiến bộ kỹ thuật cho những hộ gia đình có điều kiện về lao động, đất đai để phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn rừng gắn với phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hộ gia đình; phòng, chống có hiệu quả các loại dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, nâng cao trình độ, năng lực sản xuất cho nông dân; nâng cao chất lượng xây dựng và chuyển giao các mô hình sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá, đưa các sản phẩm nông nghiệp miền núi trở thành hàng hoá.

- Thực hiện xây dựng nông thôn mới, trước hết tập trung ở những xã có điều kiện; phân đầu đến năm 2015 có 4 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới và đến năm 2020 có 24 xã.

b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với tiềm năng, lợi thế của miền núi, trọng tâm là công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

- Phân đầu giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2011- 2015 tăng bình quân 19%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng 19,5%/năm. Nâng tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp lên 15 – 16%.

- Phát triển công nghiệp khai khoáng theo quy hoạch; quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý khoáng sản; đảm bảo môi trường sinh thái và an sinh xã hội.

- Xây dựng một số cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm sản; củng cố, phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp theo hướng kết hợp hài hòa nhiều loại quy mô, trình độ công nghệ thích hợp có lợi thế sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động tại

chỗ. Phục hồi, phát triển các làng nghề và ngành nghề thủ công truyền thống sản xuất các sản phẩm mỹ nghệ phục vụ du lịch và xuất khẩu.

c) Phát triển nhanh các loại hình dịch vụ; chú trọng phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện.

- Phân đầu giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 19%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng 19,5%/năm. Tỷ lệ lao động thương mại, dịch vụ đạt khoảng 20% vào năm 2015.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở thương mại, dịch vụ, các chợ trung tâm huyện, thực hiện tốt chính sách thương mại ưu đãi, tiêu thụ hàng hóa nhằm cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân miền núi. Ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ: tín dụng, thông tin - truyền thông, vận tải... phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng vùng.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư xây dựng, phát triển các loại hình du lịch, trước mắt tập trung xây dựng khu du lịch sinh thái Cà Đàm, Nước Trong và các điểm du lịch sinh thái ở Ba Tơ, Trà Bồng...; đầu tư tôn tạo, bảo vệ, khai thác Di tích Trường Lũy, các di tích lịch sử.

d) Phát triển nhanh, đồng bộ kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

- Phát triển các đô thị miền núi theo Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông miền núi gắn kết với các tuyến giao thông của tỉnh và quốc gia, bảo đảm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác quốc phòng, an ninh; phân đầu đến năm 2015, 100% các tuyến đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã ô tô đi được quanh năm, cơ bản có đường ô tô đến các thôn đã được quy hoạch.

- Tập trung đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy thủy điện theo quy hoạch gắn với làm tốt công tác đền bù, tái định cư, ổn định sản xuất và đời sống cho nhân dân trong vùng dự án. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, kiên cố các công trình hồ, đập, kênh mương thủy lợi, đảm bảo cung cấp nước đến các khu dân cư, cụm công nghiệp phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Phân đầu trước năm 2020, toàn bộ hệ thống kênh mương được bê tông hoá.

- Có kế hoạch đầu tư phát triển cơ sở thương mại, dịch vụ có quy mô phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng vùng, trước mắt ưu tiên đầu tư nâng cấp các chợ trung tâm huyện và chợ trung tâm xã hoạt động có hiệu quả.

- Tăng cường nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008 - 2012; xây dựng các cơ sở đào tạo nghề tại huyện hoặc liên huyện. Đầu tư phát triển, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế dự phòng huyện và hệ thống trạm y tế xã. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao, truyền thanh ở cơ

sở, ưu tiên cho các vùng dân cư tập trung, khu vực có công nghiệp chế biến, có tiềm du lịch.

## **2. Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.**

a) Phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giảm tối đa tình trạng học sinh bỏ học. Đến năm 2015, 100% xã, thị trấn hoàn thành và duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; huy động học sinh trong độ tuổi đến trường: mầm non đạt 100%, tiểu học đạt 98%, trung học cơ sở đạt 95% và trung học phổ thông đạt 80%.

- Đầu tư xây dựng 01 trường trung học phổ thông tại xã Trà Bình, huyện Trà Bồng nhằm tạo điều kiện thuận lợi về ăn ở, đi lại cho học sinh các xã Trà Giang, Trà Phú, Trà Bình (Trà Bồng) và một số xã lân cận của huyện Sơn Tịnh, huyện Bình Sơn.

- Hình thành hệ thống trường học bán trú; nâng cao chất lượng dạy và học của trường dân tộc nội trú các huyện, thực hiện tốt chế độ hỗ trợ kinh phí cho các em trong độ tuổi đi học.

b) Phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ đột phá chiến lược của các huyện miền núi, trong đó phát triển nguồn nhân lực của các cơ quan trong hệ thống chính trị là đột phá của nhiệm vụ đột phá.

- Phát triển nguồn nhân lực của các cơ quan trong hệ thống chính trị là một trong những nhân tố quyết định phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi thành công. Trong đó:

+ Đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu hợp lý cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị; quy hoạch, đào tạo, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số cho cả trước mắt và lâu dài.

+ Tập trung bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ các cấp, chú trọng đào tạo theo hình thức cử tuyển và theo địa chỉ cho cán bộ, học sinh người dân tộc thiểu số; đào tạo tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ người kinh công tác ở miền núi. Phấn đấu đến năm 2015 có 100% cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã có trình độ trung cấp chuyên môn; 90% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên; 100% công chức cấp huyện đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

+ Tiếp tục thu hút sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về công tác ở địa bàn miền núi theo Đề án đào tạo, tuyển chọn, chuẩn hoá cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn được ban hành kèm theo Quyết định số 8738-QĐ/TU ngày 02/12//2008 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; thực hiện luân chuyển cán bộ trẻ có năng lực về công tác tại các xã miền núi để thay thế cán bộ lớn tuổi, trình độ học vấn thấp, năng lực yếu.

- Đẩy mạnh công tác dạy nghề, nhất là cho thanh niên; đa dạng hóa các hình thức dạy nghề; từng bước xã hội hóa công tác dạy nghề, phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ lao

động qua đào tạo, tập huấn, huấn luyện đạt trên 40%, năm 2020 đạt trên 50%. Chú trọng đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp để đẩy mạnh xuất khẩu lao động và đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng chương trình tổng thể dài hạn về phát triển nguồn nhân lực cho vùng miền núi của tỉnh, bao gồm cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ văn hóa, văn nghệ, y tế, giáo dục... và lao động có tay nghề.

c) Tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em.

- Tăng cường đội ngũ y, bác sĩ cho các cơ sở y tế cấp huyện, cấp xã; nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức của người thầy thuốc phục vụ nhân dân, bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngay từ tuyến cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản cho đối tượng vị thành niên; tăng cường chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về tiêm chủng mở rộng; chú trọng phòng chống có hiệu quả các loại dịch bệnh và thanh toán các bệnh truyền nhiễm. Phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 25%, đến năm 2020 dưới 15%; tốc độ tăng dân số tự nhiên đến năm 2015 còn khoảng 0,92% đến 1%.

d) Thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân.

- Tổ chức thực hiện đúng đắn chủ trương, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc và tôn giáo, kịp thời phát hiện đấu tranh ngăn chặn các hoạt động tôn giáo trái pháp luật. Tăng cường công tác vận động quần chúng, chăm lo xây dựng lực lượng nòng cốt, cốt cán; phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước; củng cố khối đoàn kết dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; động viên nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh "Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; nâng cao chất lượng gia đình, thôn, cơ quan văn hóa gắn với bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, kết hợp hài hòa giữa các giá trị văn hóa truyền thống với các giá trị văn hóa hiện đại; bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, nghi kỵ cấm đồ thuốc độc. Phấn đấu 100% huyện có trung tâm văn hóa - thể thao, 90% hộ gia đình, 70% thôn, khối phố và 90% cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá vào năm 2015; 100% xã, thị trấn có nhà văn hoá và 100% thôn có điểm sinh hoạt cộng đồng vào năm 2020.

đ) Đẩy mạnh công tác giảm nghèo, thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội.

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án theo Nghị quyết 30a của Chính phủ để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo.

- Xây dựng đề án xuất khẩu lao động ở miền núi giai đoạn 2011 - 2020, phấn đấu mỗi năm đưa 600 - 700 lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Nhà nước đối với huyện miền núi; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng ở miền núi cao hơn mức trung bình chung của dân cư trong khu vực. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, an sinh xã hội.

### **3. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.**

Tổ chức tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; rà soát, kiện toàn, củng cố lực lượng ở cơ sở như: công an, dân quân tự vệ xã, tổ an ninh nhân dân và lực lượng nòng cốt, cốt cán của các đoàn thể, người có uy tín trong đồng bào dân tộc; bảo đảm hoạt động gắn kết đồng bộ, phối hợp tốt trong việc nắm tình hình vận động quần chúng, kịp thời giải quyết, xử lý có hiệu quả những vấn đề phức tạp nảy sinh, không để xảy ra điểm nóng; xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc trong mọi tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### **III. Các giải pháp chủ yếu:**

#### **1. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch:**

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, sửa đổi và bổ sung các quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn từng huyện phù hợp với định hướng trong Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện. Tổ chức quản lý, thực hiện tốt các quy hoạch đã được phê duyệt, bảo đảm cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được đồng bộ và đạt hiệu quả cao.

- Trong năm 2012, tập trung thực hiện hoàn thành Quy hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và bố trí dân cư các huyện miền núi đến năm 2020; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm; hoàn thành quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã thời kỳ 2011 - 2020 và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2011 - 2015.

#### **2. Giải pháp nguồn nhân lực:**

Thực hiện phát triển nguồn nhân lực theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

#### **3. Khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại, nâng cao khả năng tự chủ của người dân trong tổ chức sản xuất và đời sống:**

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để nhân dân miền núi, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số có ý thức, kiến thức, kỹ năng về sản xuất và tổ chức đời sống; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; biết khai thác các tiềm năng, nguồn lực tại chỗ; biết tiếp cận, thụ hưởng các chính sách, nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của các doanh nghiệp; biết chăm sóc sức khỏe bản thân, gia đình, cộng đồng; biết tiết kiệm trong tiêu dùng, tích lũy tái sản xuất để vươn lên thoát nghèo bền vững và xây dựng cuộc sống văn minh, gia đình hạnh phúc.

- Chính quyền phối hợp với mặt trận và đoàn thể các cấp có hình thức thích hợp để tôn vinh những hộ nghèo vươn lên làm giàu, các tổ chức, cá nhân giúp đỡ các hộ thoát nghèo và biểu dương kịp thời những hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

#### **4. Giải pháp về cơ chế, chính sách:**

- Thực hiện đồng bộ và hiệu quả các cơ chế, chính sách, chương trình mục tiêu của Trung ương.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách hiện có của tỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách mới về hỗ trợ phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác, kinh tế hộ, kinh tế trang trại; về liên kết phát triển kinh tế - xã hội giữa các huyện miền núi, giữa các huyện miền núi với các huyện đồng bằng, giữa phát triển vùng nguyên liệu ở miền núi với phát triển công nghiệp chế biến ở Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh. Xây dựng chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp chế biến nông, lâm sản, chuyên giao khoa học - kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi, phát triển sản xuất kinh doanh, mạng lưới dịch vụ thu mua sản phẩm và cung ứng vật tư hàng hoá.

#### **5. Giải pháp về vốn và sử dụng nguồn vốn:**

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho giai đoạn 2011 - 2020 trên 56.000 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 cần khoảng 16.000 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 là 40.000 tỷ đồng.

- Hằng năm, cùng với các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của Trung ương, ưu tiên bố trí đủ vốn từ ngân sách tỉnh và bổ sung vốn từ nguồn vượt thu cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi.

- Tranh thủ các nguồn vốn ODA, FDI, NGO và vốn tài trợ khác để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân miền núi.

- Kêu gọi, động viên và xây dựng các chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn các huyện miền núi; hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm và triển khai các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện thiết thực.

- Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, hiệu quả thấp; quản lý, sử dụng các nguồn vốn theo đúng quy định của Nhà nước, chú ý sử dụng lồng ghép các nguồn vốn nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.

#### **6. Giải pháp khoa học, công nghệ và môi trường:**

- Chú trọng triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục nghiên cứu đưa giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng vào sản xuất; xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả phù hợp với điều kiện địa bàn miền núi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn miền núi đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ về giống cây trồng, vật nuôi; đồng thời khuyến khích các cơ

sở nghiên cứu khoa học nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất. Chú trọng việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Thực hiện có hiệu quả phương án phòng, chống bão, lũ, sạt lở núi; phòng chống cháy rừng; quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên đất, nước, các loại động, thực vật và hoạt động sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường sinh thái.

- Tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng để chủ động phòng tránh giảm nhẹ thiên tai như bão, lũ quét, sạt lở đất..., giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và tài sản, bảo đảm cho các huyện miền núi phát triển nhanh và bền vững.

### **7. Giải pháp hợp tác phát triển với các địa phương:**

Phối hợp với các địa phương trong và ngoài tỉnh để phát triển các ngành mũi nhọn của các huyện trong nông lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và thu hút các nguồn vốn đầu tư; xây dựng các điểm, tuyến du lịch; quảng bá và đào tạo nhân lực du lịch, đào tạo nghề, sử dụng nguồn nhân lực, tiêu thụ sản phẩm.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XI thông qua ngày 21 tháng 10 năm 2011, tại kỳ họp thứ 3./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Minh Toán**